

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26-6-2019

V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thê

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Hào

Bà Trần Thị Minh Hoi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên
tòa:** Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị M. Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Hồ Anh T. Sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 13/3/2019, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị M trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn anh Hồ Anh T đăng ký kết hôn ngày 25/11/2009 tại UBND xã L, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với

nhau bình thường cho đến cuối năm 2011, đầu năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh T thể hiện là một người chồng không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bài bạc, không quan tâm đến cuộc sống cũng như tâm tư tình cảm của vợ con. Anh T làm ăn xa nên vợ chồng ít có thời gian bên nhau làm cho tình cảm vợ chồng ngày một phai nhạt. Do mâu thuẫn ngày càng tăng cao nên đến cuối năm 2012, chị M và anh T sống ly thân. Chị M về sống với mẹ đẻ tại xóm 13, xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M đã yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Ly hôn bị đơn anh Hồ Anh T;
- Con chung: có 01 con chung là Hồ Đình D, sinh ngày 08/10/2010. Hiện tại con chung đang ở với chị M. Chị M yêu cầu được nuôi cháu D, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 28/3/2019, bị đơn anh T có đơn xin được gia hạn và mong muốn vợ chồng hòa giải để đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, anh T không đưa ra được phương án nào để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, cũng không có hành động nào thể hiện mong muốn đoàn tụ với chị M, không hợp tác với Tòa án trong việc hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng cũng như cung cấp các thông tin liên quan đến tình trạng hôn nhân làm chứng cứ giải quyết vụ án.

Mẹ đẻ của anh T là bà Trần Thị T trình bày đúng như lời khai của chị M về điều kiện, thời gian kết hôn cũng như khoảng thời gian mâu thuẫn của vợ chồng chị M - anh T. Bà T mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau, nhưng bà tôn trọng quyết định và lựa chọn của vợ chồng.

Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã L, UBND xã L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị áp dụng điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho chị Phan Thị M được ly hôn với anh Hồ Anh T; giao con chung Hồ Đình D cho chị M trực tiếp nuôi, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T; không giải quyết tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] . Về tố tụng:

Đây là vụ án có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của UBND xã L, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập nguyên đơn, bị đơn nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng; nguyên đơn có đơn xin vắng mặt trong buổi xét xử. Xét thấy việc vắng mặt của nguyên đơn là có lý do chính đáng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét chị Phan Thị M và anh Hồ Anh T đăng ký kết hôn ngày 25/11/2009 tại UBND xã L, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Chị M trình bày quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau do không hợp nhau về tính cách, anh T không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha. Mặc dù anh T có đơn xin gia hạn vì hoàn cảnh gia đình cũng như mong muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T không có mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Điều đó cho thấy, anh T không thực sự mong muốn được đoàn tụ với chị M và việc xin gia hạn là nhằm mục đích trốn tránh, trì hoãn và kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Hơn nữa, việc vợ chồng đã sống ly thân trong khoảng thời gian dài (từ năm 2012 đến nay) cũng thấy được rằng cả anh T và chị M đều không còn muốn duy trì cuộc sống hôn nhân. Như vậy cả hai đã vi phạm nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Phan Thị M ly hôn anh Hồ Anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Hồ Đình D, sinh ngày 08/10/2010. Con chung hiện tại đang ở với chị M. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu D,

nguyện vọng của cháu D được ở với chị M để thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận nguyện vọng của con chung, giao cháu D cho chị M trực tiếp nuôi. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: chị M không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

- Cho chị Phan Thị M ly hôn anh Hồ Anh T;
- Về con chung: giao con chung Hồ Đình D, sinh ngày 08/10/2010 cho Phan Thị M trực tiếp nuôi. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Chị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người đang trông giữ con chung có nghĩa vụ giao con chung cho người được Tòa án giao quyền nuôi con khi có yêu cầu thi hành án.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: không giải quyết.
- Về án phí: chị Phan Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005064 ngày 18/3/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã L;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Thê